

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ



Interserco

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Hà Nội, tháng 04 năm 2021



Số: 96/BC-ILS

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội.

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

I. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.
- Tên tiếng Anh: International Investment Trade and Service Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: **Interserco**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100110052 cấp lần đầu ngày 20/02/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 30/11/2016.
- Vốn điều lệ: 360.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng).
- Địa chỉ: Số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: +84-247 308 6004
- Website: <https://ils.com.vn>
- Mã cổ phiếu: ILS

II. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế có lịch sử hình thành và phát triển qua các mốc thời gian như sau:

1. Thành lập và quá trình hoạt động:

- Tháng 4/1980 UBND thành phố Hà Nội quyết định thành lập Trạm tiếp nhận Lao động đi nước ngoài.
- Ngày 05/10/1985 UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 3714/QĐ-TC đổi tên và thành lập Trạm lao động Hợp tác quốc tế là đơn vị sự nghiệp, được mở tài khoản và sử dụng con dấu riêng.
- Ngày 15/8/1987 UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 3404/QĐ-UB thành lập Công ty Dịch vụ Lao động Hợp tác Quốc tế trực

thuộc Sở Lao động – TBXH thành phố Hà Nội là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có tài khoản, con dấu riêng.

- Ngày 24/12/1988 UBND thành phố Hà Nội ra quyết định số 6599/QĐ-UB sáp nhập Trạm dịch vụ trả hàng Hợp tác lao động vào Công ty Dịch vụ Lao động Hợp tác Quốc tế là đơn vị kinh tế kinh tế có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có tài khoản, con dấu riêng.
- Ngày 26/03/1993 UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 1248/QĐ-UB thành lập và bổ sung thêm chức năng nhiệm vụ cho Công ty Dịch vụ Lao động Hợp tác Quốc tế là doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức và hoạt động theo hình thức hạch toán kinh tế độc lập, vốn điều lệ là 1,053 tỷ đồng.
- Ngày 18/6/2004 UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 3817/QĐ-UB đổi tên Công ty Dịch vụ lao động Hợp tác quốc tế thành Công ty Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế. Doanh nghiệp hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh và giấy phép hành nghề, vốn điều lệ là 14 tỷ đồng.
- Ngày 13/12/2005 UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 218/2005/QĐ-UB về việc chuyển đổi Công ty Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế thành Công ty TNHH nhà nước một thành viên Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế. Doanh nghiệp hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh và giấy phép hành nghề, vốn điều lệ là 70 tỷ đồng.
- Ngày 05/04/2010 UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 1058/QĐ-UB về việc chuyển đổi Công ty TNHH nhà nước một thành viên Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế thành Công ty TNHH nhà nước một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.
- Ngày 01/06/2010 UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 2417/QĐ-UB về việc đổi tên Công ty TNHH nhà nước một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế thành Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.
- Ngày 26/08/2010 UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 4153/QĐ-UBND về việc chuyển đổi Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, vốn điều lệ là 235.000.000.000 đồng.
- Ngày 30/09/2014 UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 5016/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế - INTERSERCO.

2. Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần:

Ngày 30/11/2016, Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và chuyển đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế theo giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0100110052 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 30/11/2016 với mức vốn điều lệ là: 360.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng).

3. Công ty đại chúng:

Ngày 28/02/2018, Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 10/2018/GCNCP-VSD, cụ thể như sau:

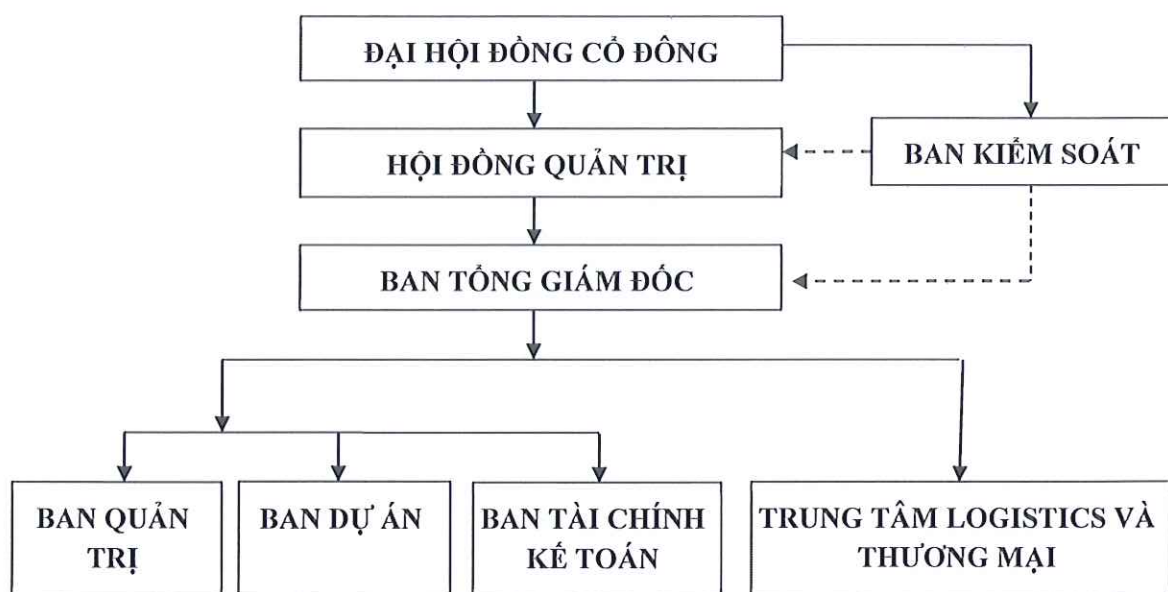
- Mã chứng khoán: ILS.
- Sàn niêm yết: UPCOM.
- Số lượng cổ phiếu đăng ký: 36.000.000 cổ phiếu.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

III. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ logistics;
- Dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và quá cảnh; Kinh doanh bán hàng miễn thuế;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Quảng cáo;
- Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

IV. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

1. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý:



- **Đại hội đồng cổ đông:** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Thành viên Hội đồng quản trị: 05 thành viên:

- Ông Phùng Tiến Toàn: Chủ tịch HĐQT;
- Ông Nguyễn Thái Hòa: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc;
- Bà Phùng Thúy Hoa: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc;
- Ông Vũ Hoàng Thao: Thành viên;
- Ông Nguyễn Văn Thịnh: Thành viên.

- **Ban Kiểm soát:** Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát: 01 Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên.

1. Bà Ngô Thị Hoàng Yến - Trưởng Ban Kiểm soát;
2. Ông Phạm Xuân Phương - Thành viên Ban Kiểm soát;
3. Bà Nguyễn Minh Hào - Thành viên Ban Kiểm soát.

- **Ban Tổng giám đốc:** Ban Tổng giám đốc của Công ty điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Thành viên Ban Tổng giám đốc: 01 Tổng giám đốc và 02 Phó Tổng giám đốc.

1. Ông Nguyễn Thái Hòa - Tổng giám đốc;
2. Bà Phùng Thúy Hoa - Phó Tổng giám đốc;
3. Ông Mai Thế Tùng - Phó Tổng giám đốc.

- **Ban Quản trị:** tham mưu, giúp việc Ban lãnh đạo Công ty thực hiện các công tác:

- Quản trị và phát triển nguồn nhân lực, tổ chức bộ máy;
- Quản trị truyền thông thương hiệu;
- Quản trị hệ thống quản lý chất lượng;
- Quản trị hệ thống công nghệ thông tin;
- Quản trị văn phòng (hành chính, an ninh an toàn, vệ sinh, PCCC, văn thư lưu trữ, đầu tư mua sắm và quản lý tài sản trang thiết bị, ...);
- Quản lý và khai thác cơ sở hạ tầng.

- **Ban Tài chính – Kế toán:** Tham mưu, giúp việc Ban lãnh đạo Công ty thực hiện các công tác:

- Tham mưu về công tác chiến lược, kế hoạch tài chính của Công ty và các Công ty con trong hệ thống;
- Đầu tư tài chính;
- Kế toán, quản lý dòng tiền của Công ty;
- Thanh tra, kiểm soát nội bộ Công ty và Công ty con trong hệ thống;
- Pháp chế;
- Quản lý cổ đông;
- Công tác kế hoạch.

- **Ban Dự án:** Tham mưu, giúp việc Ban lãnh đạo Công ty thực hiện các công tác: quản lý, đầu tư xây dựng các dự án đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

- **Trung tâm Logistics và Thương mại:** Tham mưu, giúp việc Ban lãnh đạo Công ty thực hiện các công tác:

- Hoạch định sản phẩm và xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh khai thác cảng ICD Mỹ Đình, dịch vụ logistics và thương mại, phối hợp khai thác cơ sở hạ tầng các cảng trong hệ thống;
- Khai thác cảng;

• Cung cấp dịch vụ logistics;

• Hoạt động thương mại

2. Danh sách công ty con, Công ty liên kết tính đến ngày 31/12/2020

2.1. Công ty con:

2.1.1. Công ty cổ phần Cảng Sơn Tây

♦ Địa chỉ: Số 302, phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây, Hà Nội.

♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, cho thuê kho bãi, kinh doanh vật liệu xây dựng.

♦ Vốn điều lệ Công ty: 30.000.000.000 đồng.

♦ Tỷ lệ sở hữu của Interserco: 51%.

2.1.2 Công ty cổ phần Interserco Mỹ Đình

♦ Địa chỉ: Số 17 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ phụ trợ, dịch vụ hải quan, giao nhận, vận tải nội địa, đường biển và đường hàng không.

♦ Vốn điều lệ Công ty: 30.000.000.000 đồng.

♦ Tỷ lệ sở hữu của Interserco: 58,65%.

2.1.3. Công ty cổ phần Cung ứng Nhân Lực và Thương mại Quốc tế

♦ Địa chỉ: Số 358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội.

♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Cung ứng và quản lý nguồn lao động.

♦ Vốn điều lệ Công ty: 30.000.000.000 đồng.

♦ Tỷ lệ sở hữu của Interserco: 51%.

2.1.4. Công ty cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam

♦ Địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm Thương mại Interserco, số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ cho thuê văn phòng, bán buôn và bán lẻ xe có động cơ.

♦ Vốn điều lệ Công ty: 65.000.000.000 đồng.

♦ Tỷ lệ sở hữu của Interserco: 51%.

2.2. Công ty liên kết:

2.2.1. Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá An Bình – Yên Bái

♦ Địa chỉ: Số nhà 341, đường Nguyễn Tất Thành, tổ 6, khu 2, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, Yên Bái.

♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Buôn bán kim loại và quặng kim loại.

♦ Vốn điều lệ Công ty: 50.000.000.000 đồng.



♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 10%.

2.2.2. Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam

♦ Địa chỉ: Số 358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội.

♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

♦ Vốn điều lệ Công ty: 2.600.000.000 đồng.

♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 29%.

2.2.3. Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN - Interserco Việt Nam

♦ Địa chỉ: Số 17 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

♦ Vốn điều lệ Công ty: 3.000.000.000 đồng.

♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 40%.

Hiện nay Công ty đã ngừng kinh doanh.

2.2.4. Công ty cổ phần Interserco – CB

♦ Địa chỉ: Số 17 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí; Công trình công ích, đường sắt và đường bộ, nhà các loại.

♦ Vốn điều lệ Công ty: 40.000.000.000 đồng.

♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 31,25%

2.2.5. Công ty cổ phần Interserco số 19

♦ Địa chỉ: Số 17 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

♦ Vốn điều lệ Công ty: 6.000.000.000 đồng.

♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 20%

2.2.6. Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế

♦ Địa chỉ: Số 17 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

♦ Vốn điều lệ Công ty: 198.000.000.000 đồng.

♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 32%

2.2.7. Trường Trung cấp Nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội

♦ Địa chỉ: Xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh

♦ Vốn điều lệ Công ty: 15.000.000.000 đồng.

♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 30%.

2.2.8. Công ty May liên doanh Plummy

♦ Địa chỉ: Khu tái định cư Hòa Phú, Phú Mãn, huyện Quốc Oai, Hà Nội.

♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: May trang phục.

♦ Vốn điều lệ Công ty: 1.851.259,94 đô la Mỹ (*Theo Quyết định cấp giấy phép đầu tư số 43/GP-HT của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây*)

♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 22,6%.

2.2.9. Công ty cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp

♦ Địa chỉ: Số 17 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: hoạt động logistics, thương mại điện tử, thương mại xuyên biên giới, đầu tư xây dựng và khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật, đầu tư tài chính và cung ứng các nguồn lực khác.

♦ Vốn điều lệ Công ty: 20.000.000.000 đồng.

♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 49%.

2.2.10. Công ty cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam

♦ Địa chỉ: Cụm 4, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

♦ Vốn điều lệ Công ty: 10.000.000.000 đồng.

♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 30,6%.

V. Định hướng phát triển

1. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty có định hướng phát triển với mục tiêu trở thành nhà cung cấp dịch vụ logistics trọn gói trong nước và quốc tế, đặc biệt là tuyến hành lang cảng Hải Phòng - Vân Nam và Quảng Tây, Trung Quốc (cửa khẩu biên giới Trà Lĩnh, Cao Bằng giáp với tỉnh Quảng Tây).

Dựa trên điều kiện và năng lực thực tế, Công ty xác định hướng phát triển phù hợp với quy hoạch phát triển chung của Chính phủ, của thành phố và xu hướng, nhu cầu của thị trường; với chiến lược đầu tư, kinh doanh đã được ĐHCĐ thông qua ngày. Các mục tiêu đề ra:

- Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng quy mô nhằm đem lại sự hài lòng tối đa cho khách hàng thông qua chất lượng dịch vụ và giá trị gia tăng lớn nhất;
- Duy trì, tìm kiếm các khách hàng tiềm năng nhằm mở rộng thị trường;
- Hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận hàng năm;
- Phát triển thương hiệu ILS nhằm nâng cao giá trị và sức mạnh thương hiệu;

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị hệ thống ILS, các giải pháp quản trị tập trung nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty và hệ thống.

2. Các mục tiêu phát triển bền vững:

Nhằm tạo ra môi trường làm việc an toàn, ngăn nắp, thân thiện, có hiệu suất cao và có thể ngăn ngừa các sự cố có thể xảy ra, góp phần nâng cao hình ảnh chuyên nghiệp, hiệu quả cho công việc chung, Công ty đã triển khai chương trình 5S (*Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ - Săn sóc - Sẵn sàng*) đến các phòng ban, hướng tới mục tiêu triển khai chương trình đến tất cả các Công ty thành viên thuộc hệ thống.

Song song với việc phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty luôn hướng tới trách nhiệm với cộng đồng và xã hội thông qua các cách thức như: hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với cơ quan thuế, bảo hiểm xã hội, phúc lợi cho CBCNV, tham gia các hoạt động ủng hộ, chia sẻ với những người có hoàn cảnh khó khăn,...

Mục tiêu hoạt động của Công ty đều nhằm hướng đến việc đảm bảo lợi ích của khách hàng, cổ đông, các thành viên của Công ty và lợi ích của cộng đồng và xã hội.

VI. Các rủi ro

1. Rủi ro cạnh tranh:

Việt Nam tăng cường mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực và trên thế giới có tác động tích cực lẫn tiêu cực tới hiệu quả hoạt động của Công ty, đặc biệt là sự xuất hiện của các doanh nghiệp có nguồn vốn ngoại, liên doanh với các đối tác nước ngoài, sự cạnh tranh về giá đã tạo ra những áp lực đáng kể tới hoạt động của Công ty nói riêng. Xác định được tình hình thị trường, Công ty luôn cố gắng nâng cao chất lượng dịch vụ, tích hợp dịch vụ và tập trung tìm kiếm thêm khách hàng mới để có thể cạnh tranh toàn diện với các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

2. Rủi ro về lãi suất:

Một trong những định hướng chiến lược của Công ty là mở rộng quy mô hoạt động. Vì vậy, việc huy động vốn là điều tất yếu phải thực hiện. Sự biến động về lãi suất có ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí lãi vay và chi phí đầu tư xây dựng.

Công ty luôn chủ động tiếp cận các nguồn tín dụng và đạt được thỏa thuận vay vốn hợp lý nhằm đảm bảo cơ cấu nợ và vốn chủ phù hợp với từng thời điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư; đồng thời cân đối chi phí, tối đa hóa lợi nhuận của Công ty.

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020
------------	-----------------	--------------------------	---------------------------

		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	205.000	316.887	197.309	298.642
2	Tổng chi phí	200.000	309.909	199.842	300.300
3	Lợi nhuận trước thuế	5.000	6.978	(2.533)	(1.658)
4	Lợi nhuận sau thuế	5.000	6.582	(2.533)	(2.122)

Tổng kết năm 2020, doanh thu riêng (Công ty mẹ) của Interserco đạt mức 197.309 triệu đồng, đạt 96,2% so với kế hoạch. Doanh thu riêng năm 2020 tập trung ở các hoạt động khai thác cảng, cho thuê văn phòng; dịch vụ logistics hàng không, đường bộ và đường biển; phân phối thương mại và đầu tư tài chính.

Năm 2020, Interserco thực hiện trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi số tiền 8.588 triệu đồng, dự phòng đầu tư tài chính số tiền 500 triệu đồng theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư, dự phòng tổn thất nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng. Giảm doanh thu tài chính được tạo ra từ nội bộ số tiền: 1.213 triệu đồng.

Việc thực hiện trích lập dự phòng và giảm doanh thu tài chính nội bộ chính là nguyên nhân dẫn tới lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Interserco lỗ 2.533 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế toàn hệ thống lỗ 2.122 triệu đồng. Nếu loại trừ khoản trích lập dự phòng và doanh thu tài chính nội bộ, kết quả kinh doanh trong kỳ như sau:

- Kết quả kinh doanh riêng:
 - Lợi nhuận trước thuế lãi: 6.554 triệu đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế lãi: 6.554 triệu đồng (do Công ty chưa phải nộp thuế TNDN).
- Kết quả kinh doanh hợp nhất:
 - Lợi nhuận trước thuế lãi: 9.010 triệu đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế lãi: 8.613 triệu đồng.

II. Tổ chức và nhân sự

1. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2.	Nguyễn Thái Hòa	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
3.	Phùng Thúy Hoa	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
4.	Mai Thế Tùng	Phó Tổng giám đốc

5.	Vũ Văn Huân	Giám đốc Trung tâm Logistics và Thương mại
6.	Triệu Văn Bằng	Trưởng Ban Tài chính – Kế toán
7.	Vũ Thanh Hải	Trưởng ban Quản trị

2. Tóm tắt lý lịch của thành viên Ban điều hành:

2.1 Ông Phùng Tiến Toàn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- a. Họ và tên: **Phùng Tiến Toàn** Giới tính: Nam
b. Ngày tháng năm sinh: 07/12/1955 Nơi sinh: Hà Nội
c Quốc tịch: Việt Nam
d. Giấy CMND/ CCCD số: 001055005133
Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQLCT&DLQG về dân cư Ngày cấp: 26/6/2016
e. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
f. Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Đơn vị công tác
04/1979 - 12/1982	Cán bộ	Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội
01/1983 - 04/1992	Cán bộ	Trạm lao động hợp tác quốc tế nay đổi tên là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế
05/1992 – 01/1995	Trưởng văn phòng đại diện, Phó phòng KH Kinh doanh	Văn phòng đại diện Công ty INTERSERCO tại Liên bang Nga
02/1995 - 09/1998	Trưởng phòng kinh doanh XNK	Công ty INTERSERCO
10/1998 – 02/2001	Phó Giám đốc	Công ty INTERSERCO
03/2001 – 01/2002	Quyền Giám đốc	Công ty INTERSERCO
02/2002 – 11/2006	Giám đốc	Công ty INTERSERCO
12/2006 – 11/2010	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc	Công ty INTERSERCO
12/2010 – 11/2016	Chủ tịch HĐQT	Công ty INTERSERCO
12/2016 đến nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty INTERSERCO

g. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty tại thời điểm 31/12/2020: 7.020.000 cổ phiếu, chiếm 19,5% vốn điều lệ. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 1.620.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 4,5% vốn điều lệ;
- Được ủy quyền (đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước): 5.400.000 cổ phiếu, chiếm

tỷ lệ 15% vốn điều lệ.

2.2 Ông Nguyễn Thái Hòa - Tổng Giám đốc

- a. Họ và tên: **Nguyễn Thái Hòa** Giới tính: Nam
b. Ngày tháng năm sinh: 08/06/1976 Nơi sinh: Quảng Ninh
c. Quốc tịch: Việt Nam
d. Giấy CMND/ CCCD số: 022076000057
Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQLCT&DLQG về dân cư Ngày cấp: 06/05/2015
e. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
f. Quá trình làm việc:

Thời gian công tác	Chức vụ	Đơn vị công tác
09/1999 - 08/2008	Trưởng phòng khai thác	Công ty vận tải biển Vinalines
01/2010 - 05/2010	Trưởng cửa khẩu Nội Bài	Công ty chuyên phát nhanh DHL và VNPT
06/2010 - 09/2013	Giám đốc Marketing	Công ty TNHH cảng container Quốc tế Cái Lân
04/2014 - 05/2015	Phó Giám đốc	Công ty TNHH ALS Bắc Ninh
06/2015 - 11/2016	Tổng giám đốc	Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Hàng không Việt Nam (ACSV)
12/2016 đến nay	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	Công INTERSERCO

g. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty tại thời điểm 31/12/2020: 3.888.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 10,8% vốn điều lệ. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ;

- Được ủy quyền (đại diện sở hữu phần vốn của Công ty CP Logistics Hàng không): 3.888.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 10,8% vốn điều lệ.

2.3 Bà Phùng Thúy Hoa – Phó Tổng Giám đốc

- a. Họ và tên: **Phùng Thúy Hoa** Giới tính: Nữ
b. Ngày tháng năm sinh: 14/01/1981 Nơi sinh: Hà Nội
c. Quốc tịch: Việt Nam
d. Giấy CMND/ CCCD số: 012030193;
Nơi cấp: CA Thành phố Hà Nội; Cấp ngày: 23/9/2003
e. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
f. Quá trình làm việc:

Thời gian công tác	Chức vụ	Đơn vị công tác
09/2004 - 05/2011	Chuyên viên phòng Thị	Công ty INTERSERCO

	trường Đối ngoại	
06/2011 - 04/2012	Phó Trưởng phòng Thị trường Đối ngoại	Công ty INTERSERCO
04/2012 - 03/2013	Quyền Trưởng phòng Thị trường Đối ngoại	Công ty INTERSERCO
04/2013 - 07/2014	Trưởng phòng Thị trường Đối ngoại	Công ty INTERSERCO
08/2014 - 11/2016	Phó Tổng giám đốc	Công ty INTERSERCO
12/2016 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	Công ty INTERSERCO

g. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty tại thời điểm 31/12/2020: 5.321.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,7825% vốn điều lệ. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 641.700 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 1,7825% vốn điều lệ;
- Được ủy quyền (đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước): 5.400.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 15% vốn điều lệ.

2.4 Ông Mai Thế Tùng - Phó Tổng Giám đốc

- a. Họ và tên: **Mai Thế Tùng** Giới tính: Nam
b. Ngày tháng năm sinh: 11/10/1963 Nơi sinh: Thanh Hóa
c. Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
d. Số CMND: 012870421 Nơi cấp: CA Thành phố Hà Nội Ngày cấp: 17/04/2006
e. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật chuyên ngành xây dựng công trình ngầm
f. Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Đơn vị công tác
08/1985 - 10/1987	Cán bộ kỹ thuật, kíp trưởng (cao độ 30)	Công ty XDCT Ngầm, Tổng công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà
10/1987 - 10/1990	Khu trưởng	Khu Trại Nhãn, Công trình thủy điện Hòa Bình-Sông Đà
10/1993 - 10/1994	Phó Giám đốc	Chi nhánh Công ty XDCT Ngầm (Tổng Công ty XD Sông Đà) tại Hà Nội
10/1994 - 10/1996	Phó Giám đốc	Xí nghiệp đá Trung Mầu (Công ty XDCT Ngầm - Tổng Công ty Sông Đà)
10/1996 - 11/1997	Phó Giám đốc	Chi nhánh công ty xây dựng sông Đà 14 tại Hà Nội
11/1997 - 11/2004	Chuyên viên chính	Vụ kế hoạch-Thống kê Bộ Xây dựng
11/2004 - 02/2007	Phó Trưởng phòng	Phòng tổng hợp-Văn phòng Bộ Xây dựng
02/2007 - 04/2008	Phó Tổng giám đốc	Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng



chiếm 0% vốn điều lệ.

2.6 Ông Triệu Văn Bằng - Trưởng ban Tài chính – Đầu tư

- a. Họ và tên: Triệu Văn Bằng Giới tính: Nam
b. Ngày tháng năm sinh: 07/7/1976 Nơi sinh: Phú Thọ
c. Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
d. Số CMND: 012997319; Nơi cấp: CA Thành phố Hà Nội; Ngày cấp: 31/08/2007
e. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
f. Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Đơn vị công tác
03/1998 - 07/2004	Chuyên viên kế toán	Văn phòng Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
07/2004 - 03/2005	Phó phòng Tài chính kế toán	Công ty Vận tải biển Vinalines
03/2005 - 11/2005	Phụ trách phòng Kế hoạch	Công ty Vận tải biển Vinalines
11/2005 - 02/2009	Trưởng phòng Kinh doanh vận tải đường bộ	Công ty Vận tải biển Vinalines
02/2009 - 05/2010	Trưởng phòng Tổng hợp	Công ty Vận tải biển Vinalines
05/2010 - 09/2012	Trưởng phòng Tổng hợp kiêm Phụ trách phòng Logistics	Công ty Vận tải biển Vinalines
09/2012 - 09/2017	Trưởng phòng Tổng hợp	Công ty Vận tải biển Vinalines
10/2017 - 11/2017	Trợ lý Tổng Giám đốc	Công ty INTERSERCO
12/2017 – 3/2020	Trưởng ban Tài chính - Đầu tư	Công ty INTERSERCO
04/2020 đến nay	Trưởng ban Tài chính - Kế toán	Công ty INTERSERCO

g. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty tại thời điểm 31/12/2020: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

2.7 Ông Vũ Thanh Hải – Trưởng Ban Quản trị

- a. Họ và tên: Vũ Thanh Hải Giới tính: Nam
b. Ngày tháng năm sinh: 27/10/1962 Nơi sinh: Hà Nội
c. Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
d. Số CMND/ CCCD: 001062000296; Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH; Ngày cấp: 22/6/2010
e. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế và kế hoạch ăn uống cộng đồng

f. Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Đơn vị công tác
08/1985 – 7/1987	Nhân viên	Trạm tiếp nhận và trả hàng A4 Giảng Võ, Công ty khách sạn Hà Nội.
08/1987 – 12/1993	Nhân viên nghiệp vụ	Công ty dịch vụ lao động hợp tác Quốc tế Hà Nội nay là Công ty CP Đầu tư Thương mại Quốc tế (INTERSERCO)
01/1994 - 12/1995	Phó Văn phòng	Công ty INTERSERCO
01/1996 - 12/1996	Chánh Văn phòng	Công ty INTERSERCO
01/1997 - 05/1997	Trưởng phòng KD XNK	Công ty INTERSERCO
06/1997 – 12/2004	Chánh Văn phòng	Công ty INTERSERCO
01/2005 - 03/2007	Trưởng phòng KD XNK II	Công ty INTERSERCO
04/2007 – 12/2007	Phó trưởng phòng thị trường đối ngoại	Công ty INTERSERCO
01/2008 – 09/2009	Quyền Giám đốc Trung tâm Đào tạo cung ứng Nhân lực Quốc tế	Công ty INTERSERCO
10/2009 – 10/2011	Giám đốc Trung tâm Đào tạo cung ứng Nhân lực Quốc tế	Công ty INTERSERCO
11/2011 - 10/2020	Giám đốc	Công ty CP Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế
11/2020 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty CP Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế
11/2020 đến nay	Trưởng Ban Quản trị	Công ty INTERSERCO

g. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty tại thời điểm 31/12/2020: 1.400 cổ phần, chiếm 0,00388% vốn điều lệ.

3. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, toàn Công ty có 76 cán bộ nhân viên, với cơ cấu trình độ như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
1	Trên Đại học, Đại học	50	65,8
2	Cao đẳng	2	2,6
3	Trung cấp, sơ cấp	3	3,9
4	Lao động phổ thông	21	27,6
5	Lao động khác	0	0
Tổng số		76	100%

III. Tình hình đầu tư thực hiện dự án

1. Đầu tư dự án và tình hình thực hiện dự án:

a. Dự án ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Lũy kế giá trị đã thực hiện đến 31/12/2020 ước đạt: 236,316 tỷ đồng, trong đó:

- Chi phí giai đoạn chuẩn bị đầu tư: 6,576 tỷ đồng;
- Chi phí giai đoạn thực hiện đầu tư: 229,740 tỷ đồng, gồm:
 - + Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 19,440 tỷ đồng;
 - + Chi phí BT, HT GPMB: 149,101 tỷ đồng;
 - + Chi phí xây dựng: 41,360 tỷ đồng;
 - + Chi phí khác: 19,838 tỷ đồng;

b. Dự án Trung tâm Logistics tại Huyện Trà Lĩnh - Tỉnh Cao Bằng

- Lũy kế giá trị thực hiện đến 31/12/2020: 2.634.547.930 đồng.

- Ngày 26/12/2018, UBND tỉnh Cao Bằng đã có Quyết định số 2195/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết khu trung chuyển phục vụ XNK hàng hoá nông, lâm, thuỷ sản tại cửa khẩu Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2016 – 2025.

- Ngày 05/6/2019, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng đã xác định, bàn giao mốc ranh giới quy hoạch dự án tại Biên bản bàn giao số 1302/BB-BQL.

- Công ty đang hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền về việc điều chỉnh tiến độ Dự án, do giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hết thời hạn hiệu lực trong năm 2020.

- Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã và đang triển khai thực hiện một số gói thầu:

- + Lập Báo cáo Nghiên cứu khả thi dự án đầu tư;
- + Đo đạc bản đồ địa chính, cắm mốc giải phóng mặt bằng;
- + Rà phá bom mìn, vật nổ;
- + Khảo sát địa chất công trình;
- + Lập báo cáo NCKT dự án đầu tư.

III. Tình hình tài chính

1. Số liệu tài chính hợp nhất:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng / Giảm
Tổng giá trị tài sản	839.564	693.155	(17,4%)
Doanh thu thuần	159.226	300.300	88,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.150)	(2.286)	-
Lợi nhuận khác	(696)	(628)	-
Lợi nhuận trước thuế	(1.845)	(1.658)	-
Lợi nhuận sau thuế	(3.600)	(2.122)	-

2. Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,87	1,25	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,83	1,19	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,51	0,41	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,05	0,70	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Số dư hàng tồn kho	10,51	21,31	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,21	0,43	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,0226)	(0,0071)	
	(0,0088)	(0,0052)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,0043)	(0,0031)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,007)	(0,0076)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			

IV. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

1. Cổ phần:

- Tên CK: Cổ phiếu công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế
- Mã chứng khoán: ILS
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 36.000.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch: 9.809.200 cổ phần tương ứng 27,25% tổng số cổ phần đang lưu hành, trong đó:

- Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng thuộc sở hữu của CBNV đăng ký mua theo số năm cam kết làm việc tại Công ty khi cổ phần hóa theo khoản 2 điều 48 Nghị định số

59/2011/NĐ-CP: 89.200 cổ phần (tương ứng 0,25% tổng số cổ phần đang lưu hành).

• Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng thuộc sở hữu của Cổ đông chiến lược theo khoản 3 điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP (Thời gian hạn chế chuyển nhượng 05 năm: Từ ngày 30/11/2016 đến ngày 30/11/2021): 9.720.000 cổ phần (tương ứng 27% tổng số cổ phần đang lưu hành).

- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

• Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tại công ty sẽ tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam cùng các văn bản pháp luật có liên quan.

• Tại thời điểm ngày 31/12/2020, số lượng và tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần – tương ứng 0% tổng số cổ phần đang lưu hành.

2. Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2020 như sau:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Trong nước	155	36.000.000	100
1	Tổ chức	5	26.947.808	74,86
2	Cá nhân	150	9.052.192	25,14
II	Nước ngoài	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0
III	Cổ đông lớn/nhỏ	155	36.000.000	100
1	Cổ đông lớn	2	25.920.000	72
2	Cổ đông nhỏ	153	10.080.000	28
IV	Cổ đông nhà nước/khác	155	36.000.000	100
1	Cổ đông nhà nước	1	16.200.000	45
2	Cổ đông khác	154	19.800.000	55
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 31/12/2020 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán)

V. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chính là cung cấp dịch vụ Logistics, dịch vụ kho vận, kinh doanh và cho thuê kho ngoại, vận chuyển hàng hóa; và dịch vụ cung ứng nguồn nhân lực, xuất khẩu lao động sang làm việc tại nước ngoài...., vì vậy yếu tố đầu vào trong hoạt động của Công ty chính là yếu tố “con người”. Việc nhập nguyên vật liệu từ đối tác khác của Công ty là rất ít.

2. Tiêu thụ năng lượng:

Điện năng tiêu thụ tại Công ty được sử dụng trong việc chiếu sáng, chạy các thiết bị phục vụ cho hoạt động của CBNV làm việc tại Công ty. Xuất phát từ phương châm tiết kiệm năng lượng, các Phòng ban và tập thể người lao động luôn ý thức mọi hành động nhằm sử dụng điện năng một cách có hiệu quả và tiết kiệm.

3. Tiêu thụ nước

Công ty sử dụng nước để phục vụ cho các hoạt động tại văn phòng, do đó lượng nước tiêu thụ là không đáng kể.

4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2020, Công ty không có trường hợp nào vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường. Công tác bảo vệ môi trường được triển khai thường xuyên và nghiêm chỉnh, duy trì môi trường xanh – sạch.

5. Chính sách liên quan đến người lao động

• Chế độ làm việc:

- + Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, không quá 06 ngày/ tuần.
- + Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: theo quy định của Bộ Luật lao động.
- + CBNV được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc một cách tốt nhất, hiện đại nhất và thoải mái nhất. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện an toàn và bảo hộ lao động.

• Tiền lương, Bảo hiểm xã hội và phúc lợi:

+ CBNV trong Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động tham quan, nghỉ mát hàng năm cho CBNV,...từ đó tạo niềm tin và động lực phấn đấu hết mình của người lao động cho sự phát triển của Công ty.

+ Hàng năm, Công ty thực hiện chế độ nghỉ dưỡng sức cho nhân viên. Công ty có những chính sách đãi ngộ nhân viên như tổ chức khám bệnh định kỳ hàng năm và tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao, chăm sóc thiếu niên nhi đồng là con em của cán bộ nhân viên Công ty thông qua các tổ chức đoàn thể của Công ty.

• Hoạt động đào tạo người lao động:

Công ty xác định công tác đào tạo phải được thực hiện thường xuyên, việc đào tạo phải xuất phát từ lợi ích Công ty. Ngoài việc khuyến khích và tạo điều kiện cho CBNV của Công ty

tự giác học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, Công ty còn thường xuyên tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hoặc cử CBNV tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng.

Mức lương bình quân của người lao động qua các năm

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng Quỹ lương (đồng)	10.452.231.229	10.748.018.453	12.331.312.748
2	Số lao động bình quân (người)	59	60	68
3	Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	14.763.038	14.948.565	15.130.445

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 được thể hiện qua các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông đặt ra như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020		Thực hiện năm 2020		Tỷ lệ % thực hiện / kế hoạch	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	205.000	316.887	197.309	298.642	96,2%	94,2%
2	Tổng chi phí	200.000	309.909	199.842	300.300	99,9%	96,9%
3	Lợi nhuận trước thuế	5.000	6.978	(2.533)	(1.658)	Không đạt	Không đạt
4	Lợi nhuận sau thuế	5.000	6.582	(2.533)	(2.122)	Không đạt	Không đạt

Trong năm 2020, Công ty tiếp tục duy trì các hoạt động kinh doanh chính như khai thác kinh doanh Cảng cạn ICD Mỹ Đình; dịch vụ logistics; cho thuê văn phòng kho bãi; Doanh thu năm 2020 đạt 197.309 triệu đồng, đạt 96,2% so với kế hoạch đã đặt ra.

Lợi nhuận (riêng) trước thuế năm 2020 lỗ 2.533 triệu đồng, không đạt được so với kế hoạch đã đặt ra. Lợi nhuận (hợp nhất) trước thuế lỗ 1.658 triệu đồng, không đạt kế hoạch đã đặt ra. Nguyên nhân do Công ty thực hiện trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi, dự phòng đầu tư tài chính theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính và loại trừ doanh thu tài chính nội bộ theo thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

II. Tình hình tài chính

1. Tình hình tài sản:

- Cơ cấu tài sản của Công ty như sau:
- + Tại thời điểm đầu năm: Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn/Tài sản dài hạn: 35,7%
- + Tại thời điểm cuối năm: Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn/Tài sản dài hạn: 26,8%
- Có sự chuyển dịch giảm tài sản ngắn hạn và tăng tài sản dài hạn giữa thời điểm cuối năm so với đầu năm do trong năm giảm các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho, đồng thời huy động các nguồn tài chính cho công tác triển khai đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư góp vốn vào công ty liên kết.

2. Tình hình nợ phải trả:

- Tại thời điểm 01/01/2020: Tỷ trọng Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn: 56,2%
- Tại thời điểm 31/12/2020: Tỷ trọng Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn: 43,7%

Việc sử dụng nguồn tài chính chi trả cho nợ người bán ngắn hạn và các mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn dẫn tới tỷ trọng nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 2020 giảm 12,5% so với thời điểm đầu năm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Định kỳ đánh giá, cơ cấu lại các phòng ban, trung tâm chức năng cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, tăng năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc từ đó nâng cao sản lượng, lợi nhuận cho Công ty;

- Triển khai phân công việc theo từng đơn vị chuyên môn theo chức năng nhằm nâng cao tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tinh thần trách nhiệm của nhân viên, nâng cao năng suất lao động;

- Tiếp tục hoàn thiện, ban hành và áp dụng các quy chế, quy định hoạt động của Công ty; thúc đẩy việc áp dụng có hiệu quả hơn các quy trình vận hành kết hợp với đánh giá hiệu quả hoạt động thông qua phương thức đánh giá KPI và các cách thức quản lý kịp thời;

- Tăng cường kỷ luật lao động, giữ vững tinh thần đoàn kết;

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp thông qua việc cải thiện môi trường làm việc theo hướng chuyên nghiệp, an toàn và khoa học; xây dựng cơ chế và tạo động lực để người lao động chủ động tham gia đóng góp, cống hiến vì tập thể công ty và cho xã hội;

- Thường xuyên tuyên truyền các giá trị doanh nghiệp: tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi đến mọi nhân viên trong Công ty và tới các đối tác, khách hàng;

- Tuyển dụng cán bộ, công nhân viên có tay nghề cao, có kinh nghiệm trong quản lý, lấy nhân tố con người làm trung tâm của công tác điều hành sản xuất kinh doanh;

- Phát động cuộc thi “Tìm kiếm sáng kiến, cải tiến ILS”, phát huy các sáng kiến, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Công ty tiếp tục bám sát và thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Chủ động nắm bắt thời cơ kinh doanh mới kết hợp với những thế mạnh sẵn có, mở rộng phát triển quy mô, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng;

- Đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của cổ đông, thu nhập cho người lao động và gia tăng giá trị kinh tế;

- Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp góp phần tăng cường nội lực và nâng cao vị thế kinh doanh;

- Triển khai công nghệ thông tin gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Đối với phần “Ý kiến kiểm toán” được ghi trong Báo cáo kiểm toán độc lập của Báo cáo tài chính riêng năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.

“Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2020, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu quá hạn đối với các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, trả trước người bán, cho vay ngắn hạn với số tiền lần lượt là 53.661.246.438 đồng, 3.484.484.655 đồng, 5.096.973.793 đồng và 159.800.000 đồng, phần lớn các khoản công nợ trên được bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sang Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tại thời điểm ngày 29/11/2016 theo biên bản bàn giao ngày 12/02/2018. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu nêu trên. Do đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Chúng tôi chưa thu thập được xác nhận giá trị đầu tư cũng như Báo cáo tài chính của một số khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết, đầu tư khác với giá trị 19.083.490.826 đồng. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư các khoản đầu tư chưa được đối chiếu, xác nhận cũng như đánh giá về giá trị thuần của các khoản đầu tư tại ngày 31/12/2020.

Giải trình về ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán như sau:

- Đối với nội dung trích lập dự phòng một số khoản công nợ phải thu quá hạn, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi vì Công ty xác định các khoản phải thu đó có đối chiếu công nợ, có khả năng thu hồi nên Công ty không thực hiện trích lập.

- Đối với các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết, các khoản đầu tư khác Công ty chưa thực hiện đối chiếu, xác nhận do một số công ty đang tạm ngừng hoạt động, chờ tái cấu trúc hoặc hoàn thiện thủ tục giải thể, phá sản.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội:

Hàng năm, Công ty luôn phối hợp với đơn vị chuyên về công tác bảo trì, bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đồng thời, áp dụng triển khai thực hiện 5S - nền tảng cơ bản để thực hiện các hệ thống đảm bảo chất lượng xuất phát từ quan điểm: Nếu làm việc trong một môi trường lành

manh, sach dep, tien loi thi tinh than se thoai mai hon, nang suat lao dong se cao hon va co dieu kien de viec ap dung mot he thong quan ly chat luong hieu qua hon.

Ngoai nhiem vu san xuat kinh doanh, Cong ty luon chu dong va tích cực tham gia các hoạt động mang tính xã hội. Các hoạt động trong năm 2020 như ủng hộ quỹ vì người nghèo, ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; ủng hộ quỹ nhân đạo, ủng hộ quỹ vì người nghèo xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; ủng hộ quỹ vì biển đảo Việt Nam, tham gia chương trình hiến máu nhân đạo năm 2020.

PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2020 tiếp tục là một năm quan trọng sau giai đoạn cổ phần hoá và hậu cổ phần. Công ty tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu bộ máy tổ chức và nhân sự; đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh mũi nhọn để phát huy thế mạnh và tiềm năng; duy trì đầu tư ở các dự án trọng điểm; tìm kiếm các cơ hội hợp tác kinh doanh với các đối tác trong và ngoài nước... Tuy nhiên, năm 2020 Công ty bị ảnh hưởng nặng nề do dịch cúm Covid-19 và cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT, HĐQT đã thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Cụ thể:

- HĐQT luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc tham dự và có ý kiến chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Yêu cầu Tổng Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo HĐQT về các hoạt động của Công ty, đặc biệt là hoạt động kinh doanh.

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; đồng thời chỉ đạo và ban hành kịp thời các văn bản, tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát hiệu quả mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Kết quả, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đặc biệt thường xuyên bám sát triển khai các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị để quản lý, điều hành doanh nghiệp theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, phân cấp, tuân thủ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý hiện hành. Kịp thời phân công, điều

chính công việc nhằm đạt được kết quả tối ưu, phát huy các điều kiện thuận lợi, hạn chế khó khăn và linh hoạt trong tổ chức điều hành. Đồng thời, thực hiện Báo cáo tình hình hoạt động và phương hướng để Hội đồng quản trị xem xét tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, từ đó Hội đồng quản trị nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, tình hình tài chính tạo thế chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành.

III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

1. Triển vọng phát triển năm 2021:

Năm 2021 được nhận định sẽ năm hết sức khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung do ảnh hưởng nặng nề từ dịch cúm Covid-19 và còn tiềm ẩn nhiều diễn biến khó lường. Hoạt động vận tải và logistics Việt Nam cũng đang có sự suy giảm lớn do ảnh hưởng của dịch cúm Covid-19 khiến các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải và logistics cũng đang lâm vào tình trạng khó khăn.

Đối mặt với những khó khăn trên đây đòi hỏi Công ty phải có một định hướng phát triển đúng đắn trong năm 2021, quyết liệt triển khai các biện pháp điều hành để giữ vững thị trường, khách hàng, tối giản các chi phí doanh nghiệp và thích ứng kịp thời với các biến động của thị trường vận tải và logistics do ảnh hưởng của dịch cúm Covid-19 gây ra.

2. Định hướng hoạt động năm 2021:

Trên cơ sở những nhận định về thị trường năm 2021, HĐQT sẽ chỉ đạo triển khai một số định hướng như sau:

- Triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Chỉ đạo BTGD tăng cường áp dụng các công cụ điều hành để duy trì doanh thu, giữ vững khách hàng, tối giản hóa các chi phí doanh nghiệp và hệ thống.
- Tiếp tục triển khai chiến lược đầu tư, kinh doanh theo định hướng đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Thực hiện xong việc thoái phần vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác phát triển thương hiệu ILS trong hệ thống nhằm nâng cao giá trị và sức mạnh thương hiệu.
- Tiếp tục duy trì, tăng cường phối hợp với BKS nhằm mục tiêu quản trị và kiểm soát hoạt động công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định.
- Nghiên cứu và ứng dụng giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị hệ thống ILS, quản trị tập trung nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty và hệ thống.
- Tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư năm 2021.

PHẦN 5: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 ĐÃ KIỂM TOÁN

I. Ý kiến kiểm toán:

Trích Báo cáo kiểm toán độc lập số 271/2021/UHY-BCKT NGÀY 07/4/2021 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế năm 2020:

“Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2020, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu quá hạn đối với các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, trả trước người bán, cho vay ngắn hạn với số tiền lần lượt là 85.949.468.378 đồng, 3.484.484.655 đồng, 5.096.973.793 đồng và 159.800.000 đồng, phần lớn các khoản công nợ trên được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sang Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tại thời điểm ngày 29/11/2016 theo Biên bản bàn giao ngày 12/02/2018. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được Công ty trình bày theo phương pháp giá gốc mà chưa được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu theo quy định do Công ty chưa thu thập được đầy đủ các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của các Công ty này.

Chúng tôi chưa thu thập được xác nhận giá trị đầu tư cũng như Báo cáo tài chính của một số khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết, đầu tư khác với giá trị 22.091.490.826 đồng. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư các khoản đầu tư chưa được đối chiếu, xác nhận cũng như đánh giá về giá trị thuần của các khoản đầu tư tại ngày 31/12/2020.

• Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

• Vấn đề nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá nợ lãi vay phải trả theo quy định. Đến thời điểm

31/12/2020, Công ty đã lập hồ sơ và làm các thủ tục này, tuy nhiên Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam chưa có ý kiến chính thức về vấn đề này.

Theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 và theo Thông báo số 176/TB-UBND ngày 15/08/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội thì nguồn kinh phí đầu tư xây dựng Cảng nội địa ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức từ nguồn vốn vay tín dụng 80% và 20% là vốn tự có của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (nay là Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế), trong đó có lợi nhuận thu được từ chuyển đổi dự án của Cảng hiện tại - ICD Mỹ Đình. Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu dự án phải hoàn thành trong vòng 18 tháng, tiến độ dự án được dự kiến từ năm 2015 đến quý III năm 2017, theo đó nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được xây dựng trên đất thuê của Công ty mẹ sẽ phải phá dỡ để giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty vẫn được tính khấu hao cho thời gian sử dụng từ 10 đến 13 năm vì Công ty mẹ đang trong thời gian hoàn thành các thủ tục chuyển đổi Dự án của Cảng này.

II. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán, đã đăng trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và trên website của Công ty tại địa chỉ: <https://ils.com.vn>

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2021

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thái Hoà